

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÉP INDECO

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÉP INDECO140B Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 36
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÉP INDECO

140B Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Thép INDECO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại Thép INDECO được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0313562014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 27 tháng 01 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty tại: 140B Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Kiêm Thành	Chủ tịch
Ông Đào Đình Đông	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Bình	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đào Đình Đông	Giám đốc	
Bà Nguyễn Ngọc Bích	Phó Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 25/06/2020)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÉP INDECO

140B Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2021



Đào Đình Đông

Số: 201221.001 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương mại Thép INDECO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Thép INDECO được lập ngày 05 tháng 12 năm 2021, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Thép INDECO tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Thép INDECO cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 do Công ty tự lập, chưa được kiểm toán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2021

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Giám đốc

Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2018-002-1

Kiểm toán viên

Đào Trung Thành

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4700-2019-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		263.011.707.999	248.894.431.423
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	10.715.143.356	5.426.243.493
111	1. Tiền		10.715.143.356	5.426.243.493
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	15.800.000.000	24.251.162.055
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		15.800.000.000	24.251.162.055
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		177.602.726.254	173.743.737.557
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	177.548.444.608	173.879.220.478
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	2.492.585.042	61.997.245
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	1.281.424.338	1.698.221.705
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.719.727.734)	(1.895.701.871)
140	IV. Hàng tồn kho	09	56.018.107.053	43.722.750.188
141	1. Hàng tồn kho		56.018.107.053	43.722.750.188
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.875.731.336	1.750.538.130
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	510.951.451	324.312.474
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.364.779.885	1.426.225.656
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		9.495.959.780	11.253.580.941
220	II. Tài sản cố định		3.214.051.076	11.253.580.941
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	3.214.051.076	11.253.580.941
222	- Nguyên giá		6.665.349.738	14.549.318.852
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.451.298.662)	(3.295.737.911)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	6.281.908.704	-
231	- Nguyên giá		7.852.385.880	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.570.477.176)	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		272.507.667.779	260.148.012.364

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		239.355.390.108	218.672.846.300
310	I. Nợ ngắn hạn		239.355.390.108	218.672.846.300
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	107.251.689.781	143.405.967.898
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	151.885.215	1.236.775.860
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	534.310.855	908.782.543
314	4. Phải trả người lao động		1.154.127.111	733.642.677
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.140.268.614	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	15.048.108.532	12.677.322
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	114.075.000.000	72.375.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		33.152.277.671	41.475.166.064
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	33.152.277.671	41.475.166.064
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		20.000.000.000	20.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		20.000.000.000	20.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.152.277.671	21.475.166.064
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		6.475.166.064	21.180.468.140
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		6.677.111.607	294.697.924
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		272.507.667.779	260.148.012.364

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thảo Linh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2021

Giám đốc

Đào Đình Đông



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.379.544.764.651	1.506.364.479.131
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	44.349.394	939.178.150
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.379.500.415.257	1.505.425.300.981
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.345.402.886.817	1.480.108.882.532
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		34.097.528.440	25.316.418.449
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	969.700.134	1.817.654.470
22	7. Chi phí tài chính	25	6.243.509.248	7.092.177.337
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		6.243.509.248	7.085.084.358
25	8. Chi phí bán hàng	26	10.725.041.978	9.999.537.472
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	10.289.367.243	7.690.518.357
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.809.310.105	2.351.839.753
31	11. Thu nhập khác	28	737.800	50.733.800
32	12. Chi phí khác	29	18.070.803	697.422.022
40	13. Lợi nhuận khác		(17.333.003)	(646.688.222)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.791.977.102	1.705.151.531
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	1.114.865.495	1.410.453.607
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.677.111.607	294.697.924
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	3.339	147

Người lập

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2021

Giám đốc

Nguyễn Thị Thảo Linh

Đào Đình Đông



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.511.123.078.049	1.657.105.628.877
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.539.832.161.558)	(1.632.741.615.310)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(5.475.974.498)	(4.350.556.447)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(6.243.509.248)	(7.323.697.579)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.510.000.000)	(1.079.213.940)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.497.511.866	427.502.422
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.947.205.428)	(3.877.483.455)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(46.388.260.817)</i>	<i>8.160.564.568</i>
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(121.000.000)	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(12.156.664.524)	(42.536.250.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		20.607.826.579	31.800.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.646.998.625	426.107.653
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>9.977.160.680</i>	<i>(10.310.142.347)</i>
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		135.200.000.000	126.975.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(93.500.000.000)	(127.300.000.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>41.700.000.000</i>	<i>(325.000.000)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		5.288.899.863	(2.474.577.779)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		5.426.243.493	7.900.821.272
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	10.715.143.356	5.426.243.493

Người lập

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2021

Giám đốc

Nguyễn Thị Thảo Linh

Đào Đình Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Thép INDECO được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0313562014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 27 tháng 01 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty tại: 140B Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 20.000.000.000 VND tương đương với 2.000.000 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND. Vốn thực góp đến thời điểm 31/12/2020 là 20.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 29 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 28 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, bán buôn sắt, thép.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bán buôn sắt, thép;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chí phí mua, chí phí chế biến và các chí phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06 năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 09 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Tài sản cố định khác	10 năm

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.16 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là: hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.21 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại các sản phẩm gang thép, thép cuộn, thép vằn...trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	202.319.585	339.033.304
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.512.823.771	5.087.210.189
	10.715.143.356	5.426.243.493

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	15.800.000.000	-	24.251.162.055	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	15.800.000.000	-	24.251.162.055	-
	15.800.000.000	-	24.251.162.055	-

(*) Tại ngày 31/12/2020, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng có giá trị 15.800.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Tháng Hai với lãi suất 5,3%/năm.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Đầu tư RILAND	4.197.947.902	-	40.239.081.172	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Vật liệu Xây dựng Tân Gia Khang	3.041.450.398	-	15.703.565.895	-
- Công ty Cổ phần Hưng Thịnh INCONS	-	-	13.683.503.130	-
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng UNICONS	20.170.982.238	-	-	-
- Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới	14.403.957.147	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Lam Giang	13.028.386.828	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng RICONs	11.994.923.600	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	110.710.796.495	-	104.253.070.281	-
	177.548.444.608	-	173.879.220.478	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Cầu trục và Thang máy Đệ Nhất	454.018.400	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Mai Hòa Lộc	1.840.000.000	-	-	-
- Trả trước cho các khách hàng khác	198.566.642	-	61.997.245	-
	2.492.585.042	-	61.997.245	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về lãi tiền gửi	161.649.998	-	940.626.853	-
- Ký cược, ký quỹ	400.968.000	-	350.968.000	-
- Phải thu khác	718.806.340	-	406.626.852	-
	1.281.424.338	-	1.698.221.705	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÉP INDECO

140B Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

8 . NỢ XẤU

	31/12/2020						01/01/2020					
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
		VND	VND	VND		VND	VND	VND		VND	VND	VND
Phải thu khách hàng												
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xây dựng Thanh Vinh	Từ 06 tháng - dưới 01 năm	6.222.384.944	(3.719.727.734)	2.502.657.210		883.468.887	(265.040.667)	618.428.220		3.172.696.925	(1.895.701.871)	530.147.280
- Công ty TNHH Kỹ thuật Quân Bảo	Từ 06 tháng - dưới 01 năm	393.014.982	(117.904.495)	275.110.487						-	-	-
- Công ty TNHH Kinh doanh Vật liệu và Đầu tư An Phú	Từ 06 tháng - dưới 01 năm	80.257.207	(24.077.162)	56.180.045						-	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng Trường Vinh	Từ 01 năm - dưới 02 năm	1.537.521.206	(768.760.603)	768.760.603						-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại và Xây dựng Nam Phát Minh	Từ 01 năm - dưới 02 năm	160.372.344	(80.186.172)	80.186.172						-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hưng Long Phát	Từ 01 năm - dưới 02 năm	178.204.108	(89.102.054)	89.102.054						-	-	-
- Công ty Cổ phần Kiến Trúc - Kỹ thuật Xây dựng Sài Gòn	Từ 02 năm - dưới 03 năm	116.849.285	(81.794.500)	35.054.785						-	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thép Trọng Quyền	Từ 02 năm - dưới 03 năm	739.087.265	(517.361.086)	221.726.179					Từ 01 năm - dưới 02 năm	739.087.265	(369.543.633)	369.543.632

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÉP INDECO

140B Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

8 . NỢ XẤU

		31/12/2020				01/01/2020			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	VND
- Công ty TNHH Tư vấn - Đầu tư - Xây dựng A.Q.A	Từ 02 năm - dưới 03 năm	984.946.033	(689.462.223)	295.483.810	Từ 01 năm - dưới 02 năm	1.284.946.033	(642.473.017)	-	-
- Công ty Cổ phần KHT Việt Nam	Từ 02 năm - dưới 03 năm	208.749.516	(146.124.661)	62.624.855	Từ 01 năm - dưới 02 năm	208.749.516	(104.374.758)	-	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Công trình	Trên 05 năm	369.187.245	(369.187.245)	-	Từ 02 năm - dưới 03 năm	369.187.245	(258.431.072)	110.756.173	-
- Công ty TNHH Thép Toàn Quốc	Trên 05 năm	71.328.051	(71.328.051)	-	Từ 02 năm - dưới 03 năm	71.328.051	(49.929.636)	21.398.415	-
- Công ty TNHH MTV Thanh Đăng	Trên 05 năm	94.830.200	(94.830.200)	-	Từ 02 năm - dưới 03 năm	94.830.200	(66.381.140)	28.449.060	-
- Công ty Cổ phần VICOMEX	Trên 05 năm	404.568.615	(404.568.615)	-	Trên 05 năm	404.568.615	(404.568.615)	-	-
		6.222.384.944	(3.719.727.734)	2.502.657.210		3.172.696.925	(1.895.701.871)	530.147.280	

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.368.812	-	25.740.070	-
Hàng hoá	55.997.738.241	-	43.697.010.118	-
	56.018.107.053	-	43.722.750.188	

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	161.283.234	835.880.649	5.699.769.089	7.852.385.880	14.549.318.852
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	121.000.000	-	-	-	121.000.000
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	(7.852.385.880)	(7.852.385.880)
- Giảm khác	(100.783.234)	(51.800.000)	-	-	(152.583.234)
Số dư cuối năm	181.500.000	784.080.649	5.699.769.089	-	6.665.349.738
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	92.281.803	364.130.448	2.054.087.072	785.238.588	3.295.737.911
- Khấu hao trong năm	33.604.439	94.229.888	952.110.504	785.238.588	1.865.183.419
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	(1.570.477.176)	(1.570.477.176)
- Giảm khác	(87.345.492)	(51.800.000)	-	-	(139.145.492)
Số dư cuối năm	38.540.750	406.560.336	3.006.197.576	-	3.451.298.662
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	69.001.431	471.750.201	3.645.682.017	7.067.147.292	11.253.580.941
Tại ngày cuối năm	142.959.250	377.520.313	2.693.571.513	-	3.214.051.076

11 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**a) Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	-	-
- Tăng do chuyển mục đích sử dụng	7.852.385.880	7.852.385.880
Số dư cuối năm	<u>7.852.385.880</u>	<u>7.852.385.880</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	-	-
- Tăng do chuyển mục đích sử dụng	1.570.477.176	1.570.477.176
Số dư cuối năm	<u>1.570.477.176</u>	<u>1.570.477.176</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	<u>6.281.908.704</u>	<u>6.281.908.704</u>

Bất động sản đầu tư để cho thuê là các lô mặt bằng Khu dịch vụ, thương mại (gọi tắt là "Lô TMDV") thuộc dự án Trung tâm thương mại và khu chung cư cao tầng tại địa chỉ số 15 Nguyễn Thị Sóc, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2020 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2020 chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính này. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	140.964.940	144.521.013
- Chi phí bảo hiểm, bảo lãnh	40.919.001	69.761.666
- Chi phí sửa chữa, lắp đặt	187.627.511	57.858.893
- Chi phí sử dụng đường bộ	32.575.999	40.191.930
- Chi phí thuê kho	108.864.000	-
- Các chi phí khác	-	11.978.972
	<u>510.951.451</u>	<u>324.312.474</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÉP INDECO

140B Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

13 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Tháng Hai	14.900.000.000	14.900.000.000	67.500.000.000	50.800.000.000	31.600.000.000	31.600.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	9.200.000.000	9.200.000.000	14.000.000.000	16.200.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
- Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank Việt Nam	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000
- Bà Ngô Thị Ánh	13.300.000.000	13.300.000.000	23.600.000.000	21.900.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
- Ông Đào Đình Đồng	26.300.000.000	26.300.000.000	18.800.000.000	1.300.000.000	43.800.000.000	43.800.000.000
- Bà Nguyễn Ngọc Bích	7.875.000.000	7.875.000.000	900.000.000	1.000.000.000	7.775.000.000	7.775.000.000
- Ông Đào Tuấn Minh	800.000.000	800.000.000	5.900.000.000	1.800.000.000	4.900.000.000	4.900.000.000
- Ông Phan Bảo Thiệu	-	-	2.500.000.000	500.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
	72.375.000.000	72.375.000.000	135.200.000.000	93.500.000.000	114.075.000.000	114.075.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÉP INDECO

140B Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

13 . VAY NGẮN HẠN

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Loại tiền	Lãi suất	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay	31/12/2020	01/01/2020
				VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Tháng Hai					
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số VND	Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	Hợp đồng cầm cố/ thế chấp/ bảo lãnh/ ký quỹ được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng tín dụng	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	31.600.000.000	14.900.000.000
511/2018/8142756/HĐTD				31.600.000.000	14.900.000.000
27/04/2018					
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng					
- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số VND	7,5%/năm	Cầm cố L/C nhập khẩu giá trị 574.475 USD và khoản tiền gửi của các cá nhân với giá trị 3 tỷ VND đặt tại Ngân hàng.	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại thép, phát hành L/C	7.000.000.000	9.200.000.000
246/2018/HĐHM/CMB				7.000.000.000	9.200.000.000
08/10/2018					
Ngân hàng TNHH một thành viên United Overseas Bank (Việt Nam)					
- Hợp đồng tín dụng số 202000002542 ký ngày 01/10/2020	Theo từng thông báo rút vốn	Hợp đồng cầm cố tiền gửi (thời hạn tối thiểu 6 tháng) trị giá 2 tỷ VND do Ông/ Bà Đào Đình Đông đặt tại Ngân hàng.	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại thép	2.000.000.000	-
				2.000.000.000	-

Vay cá nhân					73.475.000.000	48.275.000.000
- Ngõ Thị Ánh	VND	8,4%/năm	Tín chấp	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	15.000.000.000	13.300.000.000
- Đào Đình Đông	VND	8,4%/năm	Tín chấp	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	43.800.000.000	26.300.000.000
- Phan Bảo Thiệu	VND	8,4%/năm	Tín chấp	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	2.000.000.000	-
- Nguyễn Ngọc Bích	VND	8,4%/năm	Tín chấp	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	7.775.000.000	7.875.000.000
- Đào Tuấn Minh	VND	8,4%/năm	Tín chấp	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	4.900.000.000	800.000.000
					114.075.000.000	72.375.000.000

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Chi nhánh Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	89.623.938.116	89.623.938.116	57.402.927.932	57.402.927.932
- Công ty TNHH POSCO SS VINA	-	-	53.559.163.020	53.559.163.020
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Việt Quân	1.073.092.944	1.073.092.944	10.801.918.611	10.801.918.611
- Công ty TNHH MTV Hòa Phát- Bình Định	6.110.099.138	6.110.099.138	3.036.574.213	3.036.574.213
- Công ty Cổ phần Thép VAS Tuệ Minh	4.595.632.745	4.595.632.745	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	5.848.926.838	5.848.926.838	18.605.384.122	18.605.384.122
	107.251.689.781	107.251.689.781	143.405.967.898	143.405.967.898

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Công ty TNHH T.K.C	-	1.236.020.000
- Nhà máy Bê tông đúc sẵn Hùng Vương	149.630.655	-
- Các đối tượng khác	2.254.560	755.860
	151.885.215	1.236.775.860

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÉP INDECO

140B Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	2.472.663.898	2.472.663.898	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	880.890.432	1.114.865.495	1.510.000.000	-	485.755.927
- Thuế thu nhập cá nhân	-	27.892.111	319.795.199	299.132.382	-	48.554.928
- Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.444.567	4.444.567	-	-
	-	908.782.543	3.914.769.159	4.289.240.847	-	534.310.855

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÉP INDECO

140B Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Chi phí thu mua hàng hóa	688.250.398	-
- Chi phí vận chuyển	401.011.320	-
- Chi phí phải trả khác	51.006.896	-
	1.140.268.614	-

18 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	-	12.677.322
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	15.000.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	48.108.532	-
	15.048.108.532	12.677.322

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	22.190.072.417	42.190.072.417
Lãi trong năm trước	-	294.697.924	294.697.924
Điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra thuế 2017 - 2018	-	(1.009.604.277)	(1.009.604.277)
Số dư cuối năm trước	20.000.000.000	21.475.166.064	41.475.166.064
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	21.475.166.064	41.475.166.064
Lãi trong năm nay	-	6.677.111.607	6.677.111.607
Chia cổ tức (*)	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	20.000.000.000	13.152.277.671	33.152.277.671

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số /2020/NQ-ĐHĐCĐ-INDECO STEEL ngày 01 tháng 07 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2019	100,00	21.475.166.064
Chi trả cổ tức 75%/vốn điều lệ (tương ứng mỗi cổ phần nhận 7.500 đồng)	69,85	15.000.000.000
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	30,15	6.475.166.064

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÉP INDECO

140B Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND
- Ông Đào Đình Đông	40,00	8.000.000.000	40,00	8.000.000.000
- Ông Nguyễn Kiêm Thành	40,00	8.000.000.000	40,00	8.000.000.000
- Ông Nguyễn Xuân Bình	20,00	4.000.000.000	20,00	4.000.000.000
	100	20.000.000.000	100	20.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	15.000.000.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	15.000.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	-	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	15.000.000.000	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng sảnh L2-K3.1 theo thuộc dự án Trung tâm thương mại và khu chung cư cao tầng tại địa chỉ số 15 Nguyễn Thị Sóc, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện đang thuê 3.000 m² tại Cảng Hậu Giang với mục đích làm kho, bãi lưu trữ các mặt hàng sắt, thép, vật liệu xây dựng theo hợp đồng thuê số 48/TB/HHHG -INDECO/2020 ngày 25/09/2020 với thời hạn thuê 10 năm. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định.

Ngoài ra, Công ty cũng ký các hợp đồng thuê kho, mặt bằng tại các khu vực khác với mục đích làm kho trung chuyển, kho chứa các sản phẩm của Công ty, bãi xe. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng tháng, thời hạn thuê 12 tháng.

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.375.733.815.848	1.504.002.656.832
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.662.247.562	2.252.648.027
Doanh thu cho thuê mặt bằng, lưu kho	148.701.241	109.174.272
	1.379.544.764.651	1.506.364.479.131

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	44.349.394	939.178.150
	44.349.394	939.178.150

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.343.610.060.046	1.479.626.730.319
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.114.216.331	482.152.213
Giá vốn cho thuê mặt bằng, lưu kho	678.610.440	-
	1.345.402.886.817	1.480.108.882.532

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	868.021.770	1.562.000.724
Lãi trả chậm	98.226.980	244.878.666
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.451.384	10.775.080
	969.700.134	1.817.654.470

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.243.509.248	7.085.084.358
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	7.092.979
	6.243.509.248	7.092.177.337

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	962.488.405	813.011.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	234.462.475	914.786.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.778.842.928	7.544.899.683
Chi phí khác bằng tiền	749.248.170	726.839.509
	10.725.041.978	9.999.537.472

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	93.734.864	90.838.346
Chi phí nhân công	6.658.597.748	5.204.290.163
Chi phí khấu hao tài sản cố định	613.160.484	613.160.484
Chi phí dự phòng	1.824.025.863	167.565.545
Thuế, phí, lệ phí	138.498.012	324.578.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	308.981.499	316.722.182
Chi phí khác bằng tiền	652.368.773	973.363.141
	10.289.367.243	7.690.518.357

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập khác	737.800	50.733.800
	737.800	50.733.800

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt	4.619.567	241.248.007
Chi phí khác	13.451.236	456.174.015
	18.070.803	697.422.022

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	7.791.977.102	1.705.151.531
Các khoản điều chỉnh tăng	1.000.847.316	5.347.116.505
- Chi phí không hợp lý hợp lệ	140.354.139	363.531.343
- Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định số 20/2017/NĐ-CP	860.493.177	4.983.585.162
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	8.792.824.418	7.052.268.036
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.758.564.884	1.410.453.607
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	(643.699.389)	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	880.890.432	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1.510.000.000)	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	485.755.927	1.410.453.607

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	6.677.111.607	294.697.924
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.677.111.607	294.697.924
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.339	147

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	750.082.242	309.900.141
Chi phí nhân công	6.658.597.748	5.204.290.163
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.865.183.419	1.745.632.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.149.051.452	8.736.257.290
Chi phí khác bằng tiền	1.554.924.010	2.034.302.964
Chi phí dự phòng	1.824.025.863	167.565.545
	22.801.864.734	18.197.948.112

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.715.143.356	-	5.426.243.493	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	178.829.868.946	(3.719.727.734)	175.577.442.183	(1.895.701.871)
Đầu tư ngắn hạn	15.800.000.000	-	24.251.162.055	-
	205.345.012.302	(3.719.727.734)	205.254.847.731	(1.895.701.871)

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	114.075.000.000	72.375.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	122.299.798.313	143.418.645.220
Chi phí phải trả	1.140.268.614	-
	237.515.066.927	215.793.645.220

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của khoản đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Đầu tư ngắn hạn	15.800.000.000	-	-	15.800.000.000
	<u>15.800.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>15.800.000.000</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Đầu tư ngắn hạn	24.251.162.055	-	-	24.251.162.055
	<u>24.251.162.055</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>24.251.162.055</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.715.143.356	-	-	10.715.143.356
Phải thu khách hàng, phải thu khác	175.110.141.212	-	-	175.110.141.212
	185.825.284.568	-	-	185.825.284.568
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.426.243.493	-	-	5.426.243.493
Phải thu khách hàng, phải thu khác	173.681.740.312	-	-	173.681.740.312
	179.107.983.805	-	-	179.107.983.805

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	114.075.000.000	-	-	114.075.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	122.299.798.313	-	-	122.299.798.313
Chi phí phải trả	1.140.268.614	-	-	1.140.268.614
	237.515.066.927	-	-	237.515.066.927
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	72.375.000.000	-	-	72.375.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	143.418.645.220	-	-	143.418.645.220
	215.793.645.220	-	-	215.793.645.220

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường;	135.200.000.000	126.975.000.000
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường;	93.500.000.000	127.300.000.000

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ-INDECO STEEL ngày 21 tháng 01 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông đã quyết nghị tăng vốn điều lệ của Công ty từ 20 tỷ VND lên 35 tỷ VND bằng hình thức chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ tại Công ty. Theo đó, số lượng cổ phần tăng thêm là 1.500.000 cổ phần phổ thông, tương đương phần vốn điều lệ tăng thêm là 15 tỷ VND.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã hoàn thành việc chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu và đã đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ tư vào ngày 27 tháng 01 năm 2021.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Kiên Thành	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Xuân Bình	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Đào Đình Đông	Thành viên Hội đồng quản trị
	Giám đốc Công ty
Bà Nguyễn Ngọc Bích	Phó Giám đốc Công ty
Bà Ngô Thị Ánh	Vợ của Giám đốc Công ty
Ông Đào Tuấn Minh	Con của Giám đốc Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÉP INDECO

140B Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố
Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền thu từ đi vay	49.200.000.000	39.975.000.000
- Ông Đào Đình Đông	18.800.000.000	17.500.000.000
- Bà Nguyễn Ngọc Bích	900.000.000	7.875.000.000
- Bà Ngô Thị Ánh	23.600.000.000	13.300.000.000
- Ông Đào Tuấn Minh	5.900.000.000	1.300.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	26.000.000.000	46.000.000.000
- Ông Đào Đình Đông	1.300.000.000	25.200.000.000
- Bà Nguyễn Ngọc Bích	1.000.000.000	
- Bà Ngô Thị Ánh	21.900.000.000	18.800.000.000
- Ông Đào Tuấn Minh	1.800.000.000	2.000.000.000
Lãi vay phát sinh	948.324.620	3.123.471.935
- Ông Đào Đình Đông	720.167.673	2.325.259.554
- Bà Nguyễn Ngọc Bích	98.465.549	148.606.024
- Bà Ngô Thị Ánh	98.580.329	609.328.440
- Ông Đào Tuấn Minh	31.111.069	40.277.917
Lãi vay đã trả	3.471.228.961	4.092.581.882
- Ông Đào Đình Đông	2.253.726.913	2.929.400.216
- Bà Nguyễn Ngọc Bích	518.935.035	181.829.060
- Bà Ngô Thị Ánh	565.683.617	918.502.689
- Ông Đào Tuấn Minh	132.883.396	62.849.917
Chia Cổ tức cho Cổ đông	15.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Kiêm Thành	6.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Xuân Bình	3.000.000.000	-
- Ông Đào Đình Đông	6.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÉP INDECO

140B Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố
Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ gốc vay còn phải trả	71.475.000.000	48.275.000.000
- Ông Đào Đình Đông	43.800.000.000	26.300.000.000
- Bà Nguyễn Ngọc Bích	7.775.000.000	7.875.000.000
- Bà Ngô Thị Ánh	15.000.000.000	13.300.000.000
- Ông Đào Tuấn Minh	4.900.000.000	800.000.000
Phải trả khác ngắn hạn	15.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Kiêm Thành	6.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Xuân Bình	3.000.000.000	-
- Ông Đào Đình Đông	6.000.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Thu nhập của Ban Giám đốc	708.383.091	404.860.527

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 do Công ty tự lập.

Người lập

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2021

Giám đốc

Nguyễn Thị Thảo Linh

Đào Đình Đông



(Handwritten signature of Nguyễn Thị Thảo Linh)

(Handwritten signature of Đào Đình Đông)